TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 31/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc và ông Phạm Duy Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tại điểm cầu trung tâm.

Bà Nguyễn Thị T – Kiểm sát viên tại điểm cầu thành phần.

- Cán bộ chiến sĩ cảnh sát hỗ trợ tư pháp tại điểm cầu trung tâm: Ông Hà Văn M. Cán bộ chiến sĩ Cảnh sát hỗ trợ tư pháp tại điểm cầu thành phần: Ông Vũ Đức Q.

Ngày 31/8/2023, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện G, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 05/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Xuân T1, sinh năm: 1994 tại xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Họ và tên cha: Đặng Văn C (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1963. Họ và tên vợ: Trần Thị Kim A, sinh năm: 1999, có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022 (đã chết). Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị Ư, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đặng Văn T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thị Kim Á, sinh năm 1999. Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1997. Có mặt.

+ Anh Bùi Quốc H1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn K, sinh năm 1993. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Kim M1, sinh năm 1977. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị D, sinh năm 1958. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhà Đặng Xuân T1 ở cạnh nhà bà Phạm Thị Ư, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, T1 biết buổi chiều hàng ngày bà Ư thường đi làm đồng không có ở nhà, nên T1 đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Ư để trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền chơi game và chi tiêu cá nhân. Khoảng 14 giờ ngày 10/11/2022, T1 thấy nhà bà Ư khóa cổng, khóa cửa nên T1 trèo qua ô thoáng của gian bếp nhà bà Ư đột nhập vào trong nhà để trộm cắp. Sau khi vào trong nhà, T1 tìm xung quanh nhưng không phát hiện thấy tiền để trộm cắp. T1 tiếp tục lục, tìm thì phát hiện dưới đế bên phải bậc tam cấp kê bát hương trên bàn thờ nhà bà Ư có 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng số tiền 9.000.000 đồng và dưới đế bên trái bậc tam cấp kê bát hương có 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 chiếc kiềng vàng, 01 hộp nỉ hình tròn màu đỏ đựng 01 lắc tay vàng, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim đựng 01 sợi dây chuyền vàng. T1 lấy túi nilon trắng đựng số tiền 9.000.000 đồng và lấy 01 túi nilon màu đen T1 lấy được ở dưới tủ thờ nhà bà Ư để đựng chiếc kiềng vàng, lắc tay vàng, sợi dây chuyền vàng. Sau khi lấy xong số tiền và vàng trên, T1 cất hộp nỉ hình tròn màu đỏ và hộp nhựa màu đỏ hình trái tim dùng để đựng lắc tay và dây chuyền vào trong túi nilon màu đen và để dưới đế bậc tam cấp kê bát hương trên bàn thờ như cũ. Sau đó, T1 cầm túi tiền, vàng trên tay trèo qua ô thoáng gian bếp nhà bà Ư nơi đã trèo vào lúc trước ra ngoài rồi về nhà.

Khi về nhà, T1 cất túi tiền, vàng trộm cắp được vào cốp chiếc xe máy Sirius BKS: 34B2-765.50 (là xe Tiến mượn của anh Đặng Văn T3, sinh năm 1992 (là anh trai T1 ở cùng thôn để làm

phương tiện đi lại). Đến tối ngày 10/11/2022, T1 điều khiển xe máy Sirius BKS: 34B2-765.50 đến công ty S làm ca đêm. Khoảng 07 giờ 30 ngày 11/11/2022, trên đường đi làm về, T1 điều khiển xe máy vào cửa hàng V ở số B phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương do bà Bùi Thị D, sinh năm 1958, nơi cư trú: Khu B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương làm chủ. Tại đây, T1 bán chiếc kiềng vàng, chiếc lắc tay vàng và sợi dây chuyền vàng trộm cắp được cho nhân viên cửa hàng là anh Hoàng Kim M1 sinh năm 1977, nơi cư trú: Phố Đ, khu B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Anh M1 kiểm tra được 08 chỉ vàng, tính thành tiền là 40.600.000 đồng. Tuy nhiên do chiếc kiềng vàng bị móp méo nên anh M1 trừ đi 200.000 đồng và thanh toán cho T1 số tiền 40.400.000 đồng. T1 cho tiền vào túi nilon màu đen cùng với số tiền 9.000.000 đồng để ở cốp xe Sirius BKS: 34B2-765.50 rồi đi về nhà. Trên đường về nhà, T1 đã vứt túi nilon đen và túi nilon trắng đựng tiền đi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe máy Sirius BKS: 34B2-765.50 đi làm. Trên đường đi, T1 rẽ vào cửa hàng Đ1 ở số C, Nguyễn Chế N, Khu G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương do anh Bùi Quốc H1 sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương làm chủ. Tại đây, T1 đưa số tiền 30.000.000 đồng là tiền bán số vàng trộm cắp được cho anh H1 để anh H1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 0341006839220 của T1. Anh H1 sử dụng tài khoản số 2628899999, của ngân hàng V1 của anh H1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 0341006839220 của T1.

Đến khoảng 08 giờ ngày 12/11/2022, do sợ bị bà Ư phát hiện mất tài sản nên T1 nảy sinh ý định mua chiếc kiềng, chiếc lắc tay và sợi dây chuyền bằng mỹ ký màu vàng mục đích để lại nhà bà Ư. Sau đó, trên đường đi làm về, T1 mua của 01 người bán hàng rong (không xác định được là ai, ở đâu) 01 sợi dây chuyền mỹ ký. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi thấy bà Ư không có nhà, T1 đã trèo qua ô thoáng gian bếp vào nhà bà Ư, để sợi dây chuyền mỹ ký màu vàng vào trong hộp nhựa hình trái tim trong túi nilon đen dưới đế bậc tam cấp kê bát hương trên bàn thờ như trước khi T1 trộm cắp. Sau đó, T1 trèo theo lối cũ về nhà.

Sau khi trộm cắp tài sản của nhà bà Ư, T1 có số tiền 9.000.000 đồng và bán vàng được thêm số tiền 40.400.000 đồng. Sau khi nhờ anh H1 chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 0341006839220 của mình, T1 đã sử dụng ứng dụng VCB D1 cài đặt trên điện thoại Iphone 6s của mình chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V2 số 103869768027 đứng tên Pham T sinh ngày: 12/8/1990, nơi cư trú: Bản Chang, T, Lạng Sơn để nạp tiền mua vật phẩm chơi game; chuyển số tiền 15.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T4 số 19029065238011 của anh Phạm Văn K, sinh năm 1993 ở cùng thôn để trả nợ; chuyển số tiền 2.050.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V1 số 0341007102559 của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1977, nơi cư trú: T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương để đổi tiền mặt và đã chi tiêu hết; chuyển số tiền 2.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V2 số 107869759590 của T1. Sau khi chuyển khoản, tài khoản này còn lại

165.101 đồng. Trong đó có 150.000 đồng do T1 phạm tội mà có. Đối với số tiền mặt là 19.400.000 đồng, T1 cũng đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với số tiền 2.800.000 đồng trong tài khoản V3 của T1. T1 đã sử dụng ứng dụng V3 ipay chuyển 2.800.000 đồng này đến ví điện tử M2 được cài đặt trên điện thoại iphone 6s của T1. Từ ví điện tử M2, T1 chuyển đến tài khoản của anh Đặng Văn T3 (anh trai T1) số tiền 2.000.000 đồng để trả nợ. Số tiền 800.000 đồng còn lại trong ví M2, T1 sử dụng 155.000 đồng để thanh toán cước trả sau V4 còn để 645.000 đồng trong tài khoản ngân hàng V3 số 107869759590 của T1. T1 tiếp tục chuyển số tiền 650.000 đồng (trong đó có 645.000 đồng do T1 phạm tội mà có) đến số tài khoản 0341006839220 ngân hàng V1 của T1. Sau đó, T1 chuyển số tiền 850.000 đồng (trong đó có 795.000đ do T1 phạm tội mà có) này đến số tài khoản 1013056694 ngân hàng V1, chủ tài khoản tên Huynh Thi T, nơi cư trú: Số G, tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La để nạp tiền mua vật phẩm chơi game.

Đến khoảng 14 giờ 30 ngày 24/01/2023, T1 không có tiền chi tiêu nên lại nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Ư. T1 tiếp tục trèo qua ô thoáng gian bếp vào nhà bà Ư mục đích tìm thấy tài sản gì thì trộm cắp tài sản đó. Khi vào nhà bà Ư thì T1 gặp chị Phạm Thị H, sinh năm 1997, nơi thường trú: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (con gái bà Ư) trong phòng ngủ nên T1 giả vờ hỏi chị H mua chè rồi mở cửa lách gian bếp đi ra ngoài rồi về nhà. Nghi ngờ T1 là người trộm cắp tiền và vàng của mình nên ngày 29/03/2023, bà Ư có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện G.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG-HĐ ngày 07/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự UBND huyện G kết luận:

- 01 kiềng bằng vàng 24K (loại 9999), kiểu dáng hình tròn, liền khối có hoa văn, có khối lượng 03 chỉ tại thời điểm ngày 10/11/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là 15.510.000 đồng (Mười năm triệu năm trăm mười nghìn đồng)

- 01 dây chuyền bằng vàng 24K (loại 9999), dạng sợi được ghép thành từ các mắt nhỏ, không có mặt, có trọng lượng 03 chỉ tại thời điểm ngày 10/11/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là 15.510.000 đồng (Mười năm triệu năm trăm mười nghìn đồng).

- 01 lắc tay bằng vàng 24K (loại 9999), kiểu dáng hình tròn, liền khối có hoa văn, có trọng lượng 02 chỉ tại thời điểm ngày 10/11/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là 10.340.000 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị của 03 loại tài sản trên tại thời điểm ngày 10/11/2022 là 41.360.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản và tiền mà Đặng Xuân T1 trộm cắp của bà Phạm Thị Ư là 9.000.000 đồng + 41.360.000 đồng = 50.360.000 đồng (Năm mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 03/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện G,

tỉnh Hải Dương truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố: Bị cáo Đặng Xuân T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Đặng Xuân T1 từ 25 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2023. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị Ư 8.360.000đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi nilon màu đen có kích thước 30x19,5cm; 01 (một) hộp nỉ hình tròn, màu đỏ, có đường kính 8,5cm; 01 (một) hộp nhựa hình trái tim, màu đỏ, phía trên nắp hộp có in chữ nước ngoài, màu vàng; 01 (một) sợi dây bằng kim loại màu vàng, dạng sợi dài 45,5cm, được kết nối bằng một móc khóa.

- Trả lại cho bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, có số IMEI 355429070635885, sim số 0357.800.902.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị hại xác định đã nhận được 42.000.000đ tiền bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu là 8.360.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 (mẹ đẻ của T1) và tại phiên tòa anh Đặng Văn T3 (anh trai của T1) đồng ý cho T1 số tiền đã bồi bồi thường cho bà Ư, bà T2 và anh T3 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 10/11/2022, tại nhà bà Phạm Thị Ư, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; lợi dụng nhà bà Phạm Thị Ư không có người ở nhà, Đặng Xuân T1 đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Phạm Thị Ước s tiền 9.000.000 đồng và 01 chiếc kiềng bằng vàng 24K, 01 dây chuyền bằng vàng 24K, 01 lắc tay bằng vàng 24K (tổng giá trị của 03 loại tài sản trên trị giá 41.360.000 đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 50.360.000 đồng *(Năm mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do cần tiền để tiêu xài, lại lười lao động nên bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.360.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nhận thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại là bà Phạm Thị Ước s tiền 42.000.000 đồng, bà Ư có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để Nhà nước giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo đang bị tạm giam, không có nghề nghiệp và thu nhập

ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 42.000.000 đồng cho bà Ư, nay bà Ư yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 8.360.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu trên.

[9] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) túi nilon màu đen có kích thước 30x19,5cm; 01 (một) hộp nỉ hình tròn, màu đỏ, có đường kính 8,5cm; 01 (một) hộp nhựa hình trái tim, màu đỏ, phía trên nắp hộp có in chữ nước ngoài, màu vàng; 01 (một) sợi dây bằng kim loại màu vàng, dạng sợi dài 45,5cm, được kết nối bằng một móc khóa (do bà Ư giao nộp), xét thấy số vật chứng trên không còn giá trị sử dụng, bà Ư không xin lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, có số IMEI 355429070635885, bên trong lắp sim nhà mạng Viettel số 0357.800.902, do bị cáo T1 giao nộp, xét thấy những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 giấy đảm bảo của cửa hàng V cung cấp khi bà Ư mua vàng, hiện đang được quản lý trong hồ sơ vụ án, đây là chứng cứ chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô, biển số: 34B2-765.50, nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng SIRIUS đăng ký chủ sở hữu hợp pháp của anh Đặng Văn T3 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G không tiến hành thu giữ đối với chiếc xe mô tô trên, do vậy HĐXX không xem xét.

[10] Đối với hành vi đột nhập vào nhà bà Phạm Thị Ư ngày 24/01/2023 của T1 mục đích để trộm cắp tài sản, T1 ý thức có tài sản gì thì lấy trộm tài sản đó nhưng chưa kịp lấy được tài sản gì thì bị chị Phạm Thị H phát hiện. Do T1 chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản và không có căn cứ để xác định được giá trị tài sản T1 định chiếm đoạt của bà Ư nên hành vi của T1 không phạm tội: Trộm cắp tài sản chỉ là hành vi vi phạm hành chính. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của T1 cho Công an huyện G để ra quyết định xử phạt vi phạm hành đối với Đặng Xuân T1 theo quy định của pháp luật, do đó HĐXX không xem xét.

Đối với anh Hoàng Kim M1 , sinh năm 1977 là nhân viên giao dịch của cửa hàng vàng bạc Dung L là người đã mua chiếc kiềng vàng, chiếc lắc tay vàng và sợi dây chuyền vàng của bị can T1 nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh M1.

Đối với anh Đặng Văn T3, sinh năm 1992 (là anh trai của T1) đã cho T1 mượn chiếc xe máy Sirius BKS: 34B2-765.50 thuộc sở hữu của mình và nhận số tiền 2.000.000đồng từ tài khoản ngân hàng

của T1 nhưng anh T3 không biết T1 sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện phạm tội, không biết số tiền trên do T1 trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh T3.

Đối với chị Trần Thị Kim Á, sinh năm 1999 là vợ T1 không biết T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cất giấu tài sản trộm cắp được ở nhà mình nên không đặt vấn đề xử lý đối với chị Á.

Đối với anh Bùi Quốc H1, sinh năm 1993 là người đã nhận và chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 đến tài khoản ngân hàng của T1; anh Phạm Văn K, sinh năm 1993 là người nhận số tiền 15.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn Đ , sinh năm: 1977 là người nhận số tiền 2.050.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của T1 nhưng đều không biết số tiền trên do T1 trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh H1, anh K và ông Đ.

Đối với những tài khoản ngân hàng V2 số 103869768027 tên Pham T và tài khoản ngân hàng V1 số 1013056694 tên Huynh Thi T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo bị tuyên có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân T1 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T1 phải bồi thường cho bà Phạm Thị Ư, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, số tiền 8.360.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người bị thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015.

3.Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi nilon màu đen có kích thước 30x19,5cm; 01 (một) hộp nỉ

hình tròn, màu đỏ, có đường kính 8,5cm; 01 (một) hộp nhựa hình trái tim, màu đỏ, phía trên nắp hộp có in chữ nước ngoài, màu vàng; 01 (một) sợi dây bằng kim loại màu vàng, dạng sợi dài 45,5cm, được kết nối bằng một móc khóa, sợi dây chuyền được tạo thành từ các mắt nhỏ ghép lại với nhau, giữa các đoạn mắt nhỏ có một đoạn mắt to hơn, được đánh dẹt.

- Trả lại bị cáo Đặng Xuân T1 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, có số IMEI 355429070635885, bên trong lắp sim nhà mạng Viettel số 0357.800.902.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 21/7/2023).

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 418.000đ (bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện Gia Lộc;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Giang